

Bản án số: 05/2024/HS-PT

Ngày: 25 – 01 – 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Ông **Trần Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phái** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Quan Tuấn Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 130/2023/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Lâm Phúc A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Trương Quốc D, Trương Quốc S, Lê Nhựt H; bị hại Tăng Hải M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 154/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Lâm Phúc A**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1992 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ họ tên, năm sinh) và bà Lâm Ngọc T; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không. (Có mặt)

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Trương Quốc D, sinh năm 1987 tại Bạc Liêu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, đường V, Khóm F, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: số A, đường T, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Kiến Q và bà Hồ Thị Q1; có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại bản án số 95/2011/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xử phạt 01 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, bản án số 101/2012/HSPT ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”. (Có mặt)

2. Trương Quốc S, sinh năm 1989 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: số A, đường V, Khóm F, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Kiến Q và bà Hồ Thị Q1; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không. (Có mặt)

3. Lê Nhựt H, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1996 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S1 và bà Lâm Ngọc T1; tiền án, tiền sự: không. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo D, bị cáo S1, bị cáo H*: ông **Nguyễn Duy S2**, là Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (Có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo*: anh **Tăng Hải M**, sinh năm 1982; địa chỉ: số H đường K, Khóm G, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại*: ông **Bùi Văn K**, là Luật sư của Công ty L1 – Chi nhánh V. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 20 phút, ngày 06 tháng 05 năm 2022, bị cáo Phúc A và các bị cáo khác trong vụ án cùng với anh Trịnh Văn H1, đang ngồi uống rượu tại

quán Lữ Quán thuộc Khóm D, Phường G, thành phố B, do bức tức việc gia đình nên bị cáo Phúc A ném ly thủy tinh ra phía trước quán.

Cùng lúc này, bị hại đang điều khiển xe mô tô ngang trên đường và nghĩ là bị người khác ném mình nên xuống xe, đồng thời trên tay có cầm 01 cây dao xếp bằng kim loại, lưỡi dao chưa mở ra.

Bị cáo Phúc A thấy vậy nên đi tới vị trí anh M đang đứng, dùng chân đạp vào bụng làm anh M té vào xe mô tô và ngã về phía sau.

Khi anh M đứng lên và thấy anh M vẫn cầm dao, nên bị cáo H dùng chân đạp vào đầu và mặt của anh M; bị cáo Phúc A chạy về nơi ngồi uống rượu lấy 01 cái ly thủy tinh rồi chạy đến đánh 01 cái vào đầu và dùng chân đá vào mặt của anh M; bị cáo S1 dùng tay đánh 02 đến 03 cái vào mặt anh M.

Sau khi anh H1 lấy được cây dao từ tay của anh M thì bị cáo D buông anh M ra nhưng thấy mũi của mình bị chảy máu trong lúc giằng co nên tức giận và tiếp tục dùng chân đạp 01 cái vào người anh M.

Thấy anh M nằm bất tỉnh trên đường nên các bị cáo bỏ đi, còn anh M được người dân đưa đi Bệnh viện Đ điều trị.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số: 101/TgT, ngày 14 tháng 7 năm 2022, của Trung tâm Pháp y tỉnh B, kết luận đối với bị hại Tăng Hải M như sau:

- Một sẹo ở vùng cằm phải, tỷ lệ 02%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ sau ra trước.

- Sây sát da thái dương trái không để lại sẹo: Theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trái qua phải.

- Sây sát để lại vết biến đổi sắc tố da ở gò phải, tỷ lệ 0,5%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ phải qua trái.

- Sây sát để lại vết biến đổi sắc tố da ở gò trái, tỷ lệ 0,5%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trái qua phải.

- Gãy thành ngoài xoang hàm trái, không di lệch, tỷ lệ 08%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trước ra sau.

- Gãy mõm ngang đốt sống L2, L3 bên trái, tỷ lệ 13%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ sau ra trước.

- Hết sưng bầm mắt phải, hết xuất huyết kết mạc mắt phải: Theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trước ra sau.

- Hết sưng nề vùng gò má trái: Theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ trước ra sau.

- Hết sưng nề vùng mắt cá ngoài chân phải: Theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tầy tác động từ phải qua trái.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 22%. Các thương tích trên theo Thông tư 22 không quy định về thẩm mỹ, không quy định về cố tật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 154/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

2. Tuyên bố các bị cáo Lâm Phúc A, Trương Quốc D, Trương Quốc S, Lê Nhựt H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

3. Xử phạt:

Bị cáo Lâm Phúc A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Các bị cáo Trương Quốc D, Trương Quốc S, Lê Nhựt H mỗi bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày các bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Tổng cộng các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 117.605.000đ (mỗi bị cáo là 29.401.250đ), trong đó:

Bị cáo Lâm Phúc A, bị cáo Lê Nhựt H mỗi bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ nên mỗi bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 19.401.250đ.

Bị cáo Trương Quốc S, bị cáo Trương Quốc D mỗi bị cáo đã bồi thường đã bồi thường 25.000.000đ nên mỗi bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 4.401.250đ.

Anh Tăng Hải M được nhận số tiền 70.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu theo các biên lai thu tiền, ủy nhiệm chi nói trên.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc các bị cáo Lâm Phúc A, Trương Quốc D, Trương Quốc S, Lê Nhựt H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Trương Quốc D, Trương Quốc S mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Buộc các bị cáo Lâm Phúc A, Lê Nhựt H mỗi bị cáo phải nộp 970.100đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 06 tháng 10 năm 2023, bị cáo D, bị cáo S, bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 06 tháng 10 năm 2023, bị hại kháng cáo với các nội dung như sau:

+ Hủy án sơ thẩm để điều tra bổ sung do bỏ lọt tội phạm đối với Trịnh Văn H1 và các bị cáo phạm tội giết người.

+ Trường hợp không hủy án thì đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại và bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, bị cáo S, bị cáo H về việc xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu hủy án sơ thẩm, vì cho rằng bỏ lọt hành vi của Trịnh Văn H1 và các bị cáo có dấu hiệu tội giết người.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể: bị cáo Phúc A mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; bị cáo D, bị cáo S, bị cáo H mỗi bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường, đồng thời đề nghị sửa án sơ thẩm buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại theo quy định tại Điều 587 của Bộ luật Dân sự.

- Người bào chữa cho bị cáo D, bị cáo S, bị cáo H ý kiến tranh luận:

Về trách nhiệm dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị hại, vì không có cung cấp chứng từ mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Về trách nhiệm hình sự: thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên, các bị cáo không phạm tội giết người; cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật; đối với kháng cáo của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để các bị cáo được giảm nhẹ và được hưởng án treo, do các bị cáo phạm tội chỉ mang tính bộc phát.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có ý kiến tranh luận:

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức bồi thường cho bị hại.

Về trách nhiệm hình sự: thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo. Khi các bị cáo gây thương tích cho bị hại thì bị hại đã nằm bất động nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục tấn công nên có thể xem xét về tội “Giết người”. Các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm đến cùng nên đề nghị tăng nặng đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo thừa nhận thương tích của bị hại 22% là do các bị cáo đã gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến vụ việc và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Thông qua hành vi khách quan

của bị cáo và các lời khai khác, đã chứng minh được các bị cáo chỉ nhằm mục đích gây thương tích cho bị hại, mà không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng của bị hại nên cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu xét xử các bị cáo về tội “Giết người”.

[2] Xét kháng cáo của bị hại về việc bỏ lọt đối với anh Trịnh Văn H1, Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù khi các bị cáo gây thương tích cho bị hại thì có mặt anh H1 nhưng anh H1 chỉ đề tay bị hại với nhằm mục đích lấy cây dao bấm trên tay bị hại mà không có bất cứ hành vi nào gây thương tích cho bị hại. Khi lấy được cây dao bấm thì anh H1 đã đứng bên ngoài và khi các bị cáo tiếp tục có ý định đánh bị hại thì anh H1 cũng là người can ngăn. Từ đó, có đủ căn cứ để kết luận anh H1 không có cố ý cùng các bị cáo gây thương tích cho anh M nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo về việc xin được hưởng án treo: các bị cáo bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với 02 tình tiết định khung hình phạt là “*Sử dụng hung khí nguy hiểm*” và “*Phạm tội có tính chất côn đồ*”. Do các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên thuộc trường hợp nghiêm trị và không được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo H, bị cáo D và bị cáo S về việc yêu cầu giảm hình phạt; xét kháng cáo của bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo Phúc A có vai trò chính, xuất phát từ bị cáo mà tạo ra mâu thuẫn và gây thương tích của bị hại; bị cáo tham gia tích cực và có nhiều hành vi gây thương tích cho bị hại nên cấp sơ thẩm đã phân hóa và xử phạt bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác là phù hợp với pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định một hình phạt dưới mức nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Phúc A và bị cáo H ở khung liền kề nhẹ hơn, là không phù hợp với các lý do như sau: điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là phải có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; hai bị cáo chỉ mới bồi thường số tiền 10.000.000đ/29.401.250đ nên không được hưởng đủ tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo chỉ có thêm một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Cho nên các bị cáo không đủ tình tiết để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, từ đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt; mà chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Phúc A và bị cáo H.

Đối với bị cáo D và bị cáo S có đủ 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự gồm: tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định một hình phạt dưới mức nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo ở khung liền kề nhẹ hơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, ở cấp phúc thẩm các bị cáo đã nộp bồi thường toàn bộ số tiền còn lại cho bị hại theo bản án đã tuyên; đồng thời mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên cũng đã phù hợp với tính chất, mức độ và các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường:

Tại cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các khoản bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự để buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại với tổng số tiền 117.605.000đ, với tỷ lệ thương tích 22%; tại cấp phúc thẩm bị hại có cung cấp thêm chứng cứ nhưng không đầy đủ và bị hại cho rằng còn các chứng cứ khác chưa cung cấp được. Cho nên, không chấp nhận kháng cáo của bị hại về

việc yêu cầu tăng mức bồi thường; trong trường hợp bị hại tiếp tục điều trị thương tích mà chứng minh được các bị cáo gây ra và có chứng từ cung cấp sẽ khởi kiện vụ án dân sự khác.

Việc gây thương tích cho bị hại là do nhiều bị cáo cùng gây ra và tại bản án sơ thẩm cũng đã nhận định các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nhưng khi tuyên án thì chỉ tuyên phần phần nghĩa vụ từng phần đối với từng bị cáo, mà không tuyên nghĩa vụ liên đới đối với các bị cáo, là không phù hợp với quy định tại Điều 587 của Bộ luật Dân sự và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề xuất của Kiểm sát viên, sửa án sơ thẩm về việc tuyên liên đới bồi thường.

Như vậy, các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại với tổng số tiền là 117.605.000đ, trong đó phần nghĩa vụ từng bị cáo như sau:

- Phần của bị cáo Lâm Phúc A là 29.401.250đ, trong đó: anh Tăng Hải M được nhận 10.000.000đ do bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 19.401.250đ.

- Phần của bị cáo Lê Nhựt H là 29.401.250đ, trong đó: anh Tăng Hải M được nhận 10.000.000đ do bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 19.401.250đ.

- Phần của bị cáo Trương Quốc D là 29.401.250đ, bị cáo Trương Quốc S là 29.401.250đ. Các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ phần của mình nên anh M được nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về án phí:

- Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ
- Buộc các bị cáo Lê Nhựt H, Trương Quốc D, Trương Quốc S mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.
- Bị cáo Lâm Phúc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Buộc bị cáo Lâm Phúc A và Lê Nhựt H, mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 970.000đ (làm tròn số).

- Bị cáo Trương Quốc D và Trương Quốc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Lâm Phúc A và Lê Nhựt H.

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Trương Quốc D và Trương Quốc S.

- Các Điều 587 và 590 của Bộ luật Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lê Nhựt H, Trương Quốc D và Trương Quốc S**.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại **Tăng Hải M**.

3. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 154/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

4. Tuyên bố các bị cáo **Lâm Phúc A, Lê Nhựt H, Trương Quốc D và Trương Quốc S** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

5. Xử phạt bị cáo **Lâm Phúc A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

6. Xử phạt bị cáo **Lê Nhựt H 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

7. Xử phạt bị cáo **Trương Quốc D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

8. Xử phạt bị cáo **Trương Quốc S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

9. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Lâm Phúc A, Lê Nhựt H, Trương Quốc D và Trương Quốc S có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Tăng Hải M với tổng số tiền là 117.605.000đ, trong đó phần nghĩa vụ từng bị cáo cụ thể như sau:

- Phần bị cáo Lâm Phúc A bồi thường là 29.401.250đ, trong đó:

+ Anh Tăng Hải M được nhận 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, trong số tiền 50.000.000đ của Ủy nhiệm chi số 38 ngày 25 tháng 7 năm 2023.

+ Buộc bị cáo Lâm Phúc A có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại cho anh Tăng Hải M là 19.401.250đ.

- Phần bị cáo Lê Nhựt H bồi thường là 29.401.250đ, trong đó:

+ Anh Tăng Hải M được nhận 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, trong số tiền 50.000.000đ của Ủy nhiệm chi số 38 ngày 25 tháng 7 năm 2023.

+ Buộc bị cáo Lê Nhựt H có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại cho anh Tăng Hải M là 19.401.250đ.

- Phần bị cáo Trương Quốc D bồi thường là 29.401.250đ và phần bị cáo Trương Văn S3 bồi thường là 29.401.250đ. Anh M được nhận toàn bộ số tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo Ủy nhiệm chi số 38 ngày 25 tháng 7 năm 2023; biên lai thu tiền số 0003008 ngày 27 tháng 6 năm 2023; biên lai thu tiền số 0003009 ngày 29 tháng 6 năm 2023; biên lai thu tiền số 0000478 ngày 24 tháng 01 năm 2024 và biên lai thu tiền số 0000479 ngày 24 tháng 01 năm 2024.

10. Về án phí:

- Buộc các bị cáo Lâm Phúc A, Lê Nhựt H, Trương Quốc D và Trương Quốc S: mỗi bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ

- Buộc các bị cáo Lê Nhựt H, Trương Quốc D, Trương Quốc S: mỗi bị cáo nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

- Buộc bị cáo Lâm Phúc A và Lê Nhựt H: mỗi bị cáo nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 970.000đ.

11. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

12. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

13. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Gửi Viện kiểm sát cùng cấp;
- Gửi Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Gửi CQĐT, VKS, TA xét xử sơ thẩm;
- Gửi nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Gửi người kháng cáo;
- Gửi người có liên quan đến kháng cáo hoặc kháng nghị (nếu có);
- Gửi Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tấn